

CATHOLIC BELIEF - 4

TÍN LÝ CÔNG GIÁO - 4

Archdiocese of Galveston-Houston
 LoiNhapThe Theological Institute
 Instructor: Paul Pham
 713-398-1554
 giaolygh@gmail.com
 Website: <http://evangelization.space>

Then God said: *"Let us make man in our image*, after our likeness. Let them have dominion over the fish of the sea, the birds of the air, and the cattle, and over all the wild animals and all the creatures that crawl on the ground."
God created man in his image; in the divine image he created him; male and female he created them. God blessed them, saying: "Be fertile and multiply; fill the earth and subdue it. Have dominion over the fish of the sea, the birds of the air, and all the living things that move on the earth...." And so it happened. God looked at everything he had made, and *he found it very good*. Evening came, and morning followed--the sixth day.

Thiên Chúa phán: "Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất."
Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ. Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: ***"Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất.*** Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất." Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp! Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu. (Gen 1:26-31)

Xin Cho Con Biết Lắng Nghe

1. Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài dạy con trong đêm tối.
Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài dạy con lúc lẻ loi.
Xin cho con cất tiếng lên trả lời vừa khi con nghe Chúa.
Xin cho con biết thân thưa: Lạy Ngài Ngài muốn con làm chi.
ĐK : *Lời Ngài là sức sống của con. Lời Ngài là ánh sáng đời con.
Lời Ngài làm chừa chan hy vọng, là đường để con hằng dõi bước.
Lời Ngài được chất ngất niềm vui, trọn vẹn ngàn tiếng hát đầy vơi. Lời
Ngài đổi mới cho cuộc đời. Lời Ngài hạnh phúc cho trần ai.*
2. Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài dạy con trong cuộc sống.
Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài từng theo bước đời con.
Xin cho con biết sẵn sàng chờ đợi và vâng nghe theo Chúa.
Xin cho con biết sẵn sàng thực hành Lời Chúa đã truyền ban.

Câu hỏi để thảo luận

Are the theories of evolution opposed to the creation story in the Bible? Why?

Các thuyết tiến hóa có trái ngược lại với câu chuyện tạo dựng trong Thánh Kinh không? Tại sao?

What is Theology – Thần Học là gì?

According to Saint Alselm,
theology is:

faith seeking understanding.

Doing theology:

- needs Faith
- is a process
- is explaining one's Faith Experience

Theo Thánh Alsêmo thì,
thần học là:

đức tin tìm sự hiểu biết.

Làm thần học:

- cần có Đức Tin
- là một tiến trình
- là giải thích Kinh Nghiệm Đức tin của một người

Truth vs. Opinion – Chân Lý và Ý Kiến

Truth:

- Known objectively
- unchanged
- Consistent
- Can be deepen

Opinion:

- Known subjectively
- Changeable
- inconsistent

Chân Lý:

- Được biết cách khách quan
- Không thay đổi
- Kiên định
- Có thể được đào sâu

Ý kiến:

- Được biết cách chủ quan
- Có thể thay đổi
- Bất nhất

Our relationship with God

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ☐ To love Him whole-heartly ☐ To know him intimately ☐ To surrender to Him completely ☐ I am His and He is mine | <ul style="list-style-type: none"> ☐ Để yêu Chúa hết lòng ☐ Để biết Chúa cách mật thiết ☐ Để phó thác hoàn toàn cho Chúa ☐ Tôi thuộc về Chúa, Chúa là của tôi |
|--|---|

We live for the rest of
eternity with this
relationship.

Chúng ta sống cho đến
muôn đời với
Mối liên hệ này

How to love God and love
one another as He Loves us?

Làm sao để yêu Chúa và yêu
nhau như Ngài yêu ta?

I believe in God means Tôi Tin Kính Một TC có nghĩa

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ☐ Saying “I believe in God” means founding my life on Him, letting his Word orient me each day, in the concrete choices, without fear of losing something of myself. | <ul style="list-style-type: none"> ☐ Nói rằng “Tôi tin kính một Thiên Chúa” có nghĩa là tìm thấy cuộc sống của tôi trong Ngài, để cho Lời Ngài định hướng tôi mỗi ngày, trong các lựa chọn cụ thể, mà không sợ mất mát một điều gì đó của chính mình. |
|--|--|

Pope Benedict XVI, 1/23/2013

Why I believe? Tại sao tôi tin?

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ We believe in the credibility of Jesus and His Teachings ▣ Buddhists believe in the credibility of the Buddha and His Teachings | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Chúng ta tin vào sự đáng tin cậy của Chúa Giêsu và Giáo Huấn của Người ▣ Người Phật Giáo tin vào sự đáng tin cậy của Đức Phật và Giáo Huấn của Ngài. |
|--|---|

The Creeds Các Kinh Tin Kính

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Profession of Faith, Rule of Faith, Symbol of Faith, Obedience of Faith ▣ Used to safeguard against false teaching and heresy ▣ Provided the Church a guideline for authentic teaching. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Tuyên Xưng Đức Tin, Qui Luật Đức Tin, Tín Biểu, Vâng Phục trong Đức Tin ▣ Dùng để bảo vệ khỏi giáo huấn sai lạc của lạc giáo ▣ Cung cấp cho Hội Thánh một hướng dẫn về giáo huấn chân chính. |
|---|--|

Mục đích của Mạc Khải của Thiên Chúa

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ to communicate his own divine life to the men he freely created, in order to adopt them as his sons in his only-begotten Son. ▣ to make them capable of responding to him, and of knowing him and of loving him far beyond their own natural capacity. (CCC 52) | <ul style="list-style-type: none"> ▣ truyền thông sự sống thần linh của cho loài người mà Ngài đã tự ý tạo dựng, để cho họ được trở nên nghĩa tử trong Con Một của Ngài. ▣ Thiên Chúa muốn làm cho loài người có khả năng đáp lại Ngài, nhận biết và yêu mến Ngài vượt quá những gì họ có thể làm được tự sức mình. (GLHTCG 52) |
|--|---|

Mục đích của Mạc Khải của Thiên Chúa

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ to communicate his own divine life to the men he freely created, in order to adopt them as his sons in his only-begotten Son. ▣ to make them capable of responding to him, and of knowing him and of loving him far beyond their own natural capacity. (CCC 52) | <ul style="list-style-type: none"> ▣ truyền thông sự sống thần linh của cho loài người mà Ngài đã tự ý tạo dựng, để cho họ được trở nên nghĩa tử trong Con Một của Ngài. ▣ Thiên Chúa muốn làm cho loài người có khả năng đáp lại Ngài, nhận biết và yêu mến Ngài vượt quá những gì họ có thể làm được tự sức mình. (GLHTCG 52) |
|--|---|

Catholic Principles of Scripture Interpretation (DV 12) Các Nguyên Tắc Giải Thích Thánh Kinh của Công Giáo

Three fundamental criteria:

1. Be especially attentive "to the *content and unity* of the *whole* Scripture ; nowadays this is called canonical exegesis;
2. Read the Scripture within "*the living Tradition* of the *whole* Church";
3. Be attentive to the *analogy of faith*. The "analogy of faith" is the coherence of the truths of faith among themselves and within the whole plan of Revelation

Ba tiêu chuẩn nền tảng:

1. Phải chú ý đến "nội dung và tính thống nhất của toàn bộ Thánh Kinh"; ngày nay tiêu chuẩn này được gọi là chú giải theo qui điển (canonical exegesis);
2. Phải đọc Thánh Kinh trong "Truyền thống sống động của toàn thể Hội Thánh";
3. Phải lưu ý đến *loại suy đức tin*. "Loại suy đức tin," là tính chất tương hợp trong toàn bộ nội dung các chân lý đức tin và trong toàn bộ chương trình Mặc Khải.

Senses of Scripture - Các Nghĩa của Thánh Kinh

1. The *literal sense* is the meaning intended by the author.
2. The *spiritual sense* depends on the text, but see them as a signs of a deeper meaning.
 - *allegorical sense* where one event foreshadows another.
 - *moral sense* lead us to act justly.
 - *anagogical sense* helps us to view realities and events in terms of their eternal significance

1. *Nghĩa văn tự* là nghĩa mà tác giả có ý nói đến.
2. Nghĩa *thiêng liêng* tùy thuộc vào bản văn nhưng coi chúng như một dấu chỉ với ý nghĩa sâu xa hơn
 - *nghĩa ẩn dụ* trong đó một biến cố ám chỉ một biến cố khác,
 - *nghĩa luân lý* để dẫn chúng ta đến một cách ăn ở công chính.
 - *nghĩa dẫn đường (thần bí)*, hướng chúng ta về cùng đích trên Trời.

Genesis – Sáng Thế (CCC 289)

Among all the Scriptural texts about creation, the first three chapters of Genesis occupy a unique place.

From a literary standpoint these texts *may have had* diverse sources.

The inspired authors have placed them at the beginning of Scripture to express in their solemn language:

- ▣ the truths of creation,
- ▣ its origin and its end in God,

Trong tất cả những lời Thánh Kinh nói về việc tạo dựng, ba chương đầu của sách Sáng Thế có một chỗ đứng độc đáo.

Về phương diện văn chương, những bản văn đó *có thể đã có* nhiều nguồn khác nhau.

Các tác giả được linh hứng đã đặt các bản văn này ở đầu Sách Thánh để long trọng diễn tả:

- ▣ các chân lý về việc tạo dựng,
- ▣ nguồn gốc và cùng đích của nó trong Thiên Chúa,

Genesis - Sáng Thế (CCC 289)

- ▣ its order and goodness,
- ▣ the vocation of man, and
- ▣ finally the drama of sin and the hope of salvation.

Read in the light of Christ, within the unity of Sacred Scripture and in the living Tradition of the Church, these texts remain the principal source for catechesis on the mysteries of the “beginning”: creation, fall, and promise of salvation.

- ▣ về trật tự và sự tốt lành của nó,
- ▣ ơn gọi của con người, và
- ▣ cuối cùng thảm kịch tội lỗi và niềm hy vọng cứu độ.

Các lời này, được đọc dưới ánh sáng của Đức Kitô, trong sự thống nhất của Thánh Kinh, và trong Truyền thống sống động của Hội Thánh, vẫn là nguồn chính yếu cho việc dạy giáo lý về những mầu nhiệm của “lúc khởi đầu”: việc tạo dựng, sự sa ngã, lời hứa ban ơn cứu độ.

Genesis - Sáng Thế 1

In the beginning, God created
the heavens and the earth.

The earth was without form
and void,
darkness was upon the face of
the deep,
the Spirit of God was moving
over the face of the waters.

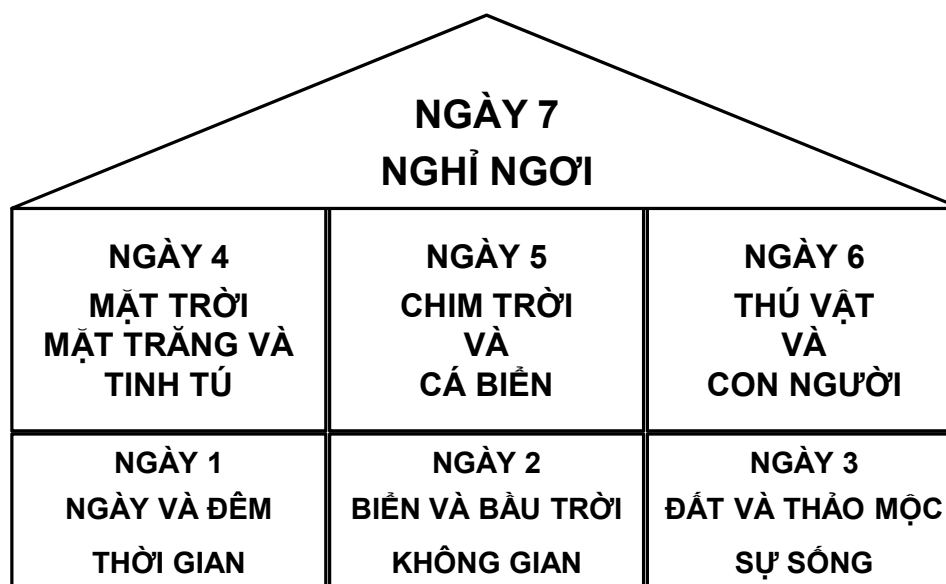
Lúc khởi đầu Thiên
Chúa sáng tạo trời đất.
Đất còn trống rỗng,
Bóng tối bao trùm vực
thẳm,
Thần khí Thiên Chúa
bay lượn trên mặt
nước.



1st Creation Account - Genesis 1:1 – 2:4

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ God as unique author of creation – by God's Word ▣ Orderly creation: 3 days separate and 3 days populate <ol style="list-style-type: none"> 1. Day and Night (time) 2. Sea and Sky (space) 3. Land and Vegetation (life) 4. Sun, moon 5. Fish and Birds 6. Man and animals | <ul style="list-style-type: none"> ▣ TC như tác giả duy nhất của việc tạo dựng – bằng Lời Chúa ▣ Tạo dựng có trật tự - 3 ngày chia ra và 3 ngày làm đầy <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngày và Đêm (thời gian) 2. Biển và Trời (không gian) 3. Đất và cỏ cây (sự sống) 4. Mặt trời, mặt trăng 5. Cá và Chim 6. Con người và thú vật |
|--|---|

6 Days of Creation



1st Creation Account - Genesis 1:1 – 2:4

- | | |
|--|--|
| ▣ Sabbath: day celebrate | ▣ Ngày Thứ Bảy: ngày ăn mừng |
| ▣ Goodness of creation | ▣ Sự tốt lành của thụ tạo |
| ▣ Special place of humanity in creation | ▣ Địa vị đặc biệt của con người trong việc tạo dựng |
| ▣ All existent beings, all of nature, and all human history are rooted in this primordial event, the very genesis by which the world was constituted and time begun. | ▣ Tất cả mọi hữu thể hiện hữu, toàn bộ thiên nhiên, toàn thể lịch sử nhân loại đều bắt nguồn từ biến cố đầu tiên đó: quả vậy, đây là khởi điểm, qua đó trần gian được hình thành và bắt đầu thời gian. |

Importance of the Sabbath

- | | |
|--|--|
| ▣ Day Sanctified to the Lord – God and Creator of the Universe | ▣ Ngày Thánh hiến cho Chúa – Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của vũ trụ |
| ▣ Day of companionship | ▣ Ngày của tình thân hữu |
| ▣ Day of rest and relaxation | ▣ Ngày nghỉ ngơi và xả hơi thư giãn |
| ▣ Day we show our trust in God. | ▣ Ngày chứng tỏ lòng tín thác vào TC của chúng ta. |

The mystery of creation (295-301)

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ God created the world according to his wisdom from his free will ▪ He wanted to make his creatures <i>share in his being, wisdom and goodness</i>. ▪ <i>He</i> creates everything out of nothing. | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thiên Chúa dựng nên thế giới theo sự khôn ngoan và từ ý chí tự do của Ngài. ▪ Ngài muốn cho thụ tạo <i>chia sẻ sự sống, sự khôn ngoan và tốt lành của Ngài</i>. ▪ Ngài dựng nên mọi sự từ nhưng không |
|---|---|

The mystery of creation (295-301)

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Because God creates through wisdom, <ul style="list-style-type: none"> ▪ his creation is ordered ▪ <i>destined for man</i>, who is created in the "image of God" and called to a personal relationship with God ▪ God is infinitely greater than all his works | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Bởi vì Thiên Chúa tạo dựng qua sự khôn ngoan, <ul style="list-style-type: none"> ▪ Việc tạo dựng có trật tự ▪ <i>Có ý cho con người</i>, được dựng nên theo "hình ảnh Thiên Chúa" và được mời gọi để liên hệ với Thiên Chúa. ▪ Thiên Chúa chắc chắn là cao trọng hơn tất cả công trình của Ngài. |
|--|--|

The mystery of creation (295-301)

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ But because He is the first cause, <ul style="list-style-type: none"> ▪ God is present to his creatures' inmost being. ▪ God does not abandon his creatures to themselves. ▪ We depend on God every moment of our life. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Nhưng vì Ngài là nguyên nhân đầu tiên, <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thiên Chúa hiện diện trong tận nội tâm các thụ tạo. ▪ Thiên Chúa không bỏ mặc các thụ tạo. ▪ Chúng ta lệ thuộc vào Thiên Chúa từng giây phút của cuộc đời mình. |
|---|---|

Divine Providence - Sự Quan Phòng của TC (302-324)

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Creation was created in a state of journeying toward an ultimate perfection to which God has destined it. ▣ <i>Divine Providence</i> is the <i>dispositions</i> by which God guides his creation toward this perfection. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Thụ tạo được dựng nên trong một tiến trình đi đến tình trạng hoàn mỹ cuối cùng mà Thiên Chúa đã định cho nó. ▣ <i>Sự Quan Phòng của Thiên Chúa</i> là <i>sự sắp đặt</i> mà qua đó Thiên Chúa hướng dẫn thụ tạo của Ngài đến hoàn hảo. |
|---|--|

Divine Providence - Sự Quan Phòng của TC (302-324)

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ God cares for all, from the least things to the great events of the world and its history. ▣ Jesus asks us to trust the providence of our heavenly Father as children trusting their parents. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Thiên Chúa chăm sóc cho tất cả, từ những vật nhỏ nhất đến những biến cố của thế giới và lịch sử của nó. ▣ Chúa Giêsu yêu cầu chúng ta tin tưởng vào sự quan phòng của Cha Trên Trời như con cái tin tưởng vào cha mẹ. |
|--|--|

Divine Providence - Sự Quan Phòng của TC (302-324)

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ To carry out his plan God makes use of his creatures' co-operation. ▣ God is the <i>first cause</i> who operates in and through secondary causes. ▣ A creature cannot attain its ultimate end without the help of God's grace. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Để thực hiện kế hoạch của Ngài, Thiên Chúa dùng sự hợp tác của thụ tạo. ▣ Thiên Chúa là <i>nguyên nhân đầu tiên</i> hoạt động trong và qua những nguyên nhân phụ. ▣ Một thụ tạo không thể đạt được cùng đích nếu không có ân sủng của Thiên Chúa. |
|---|--|